

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **195/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 16/6/2022.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Phú Lộc;
- Bà Lương Thảo Vy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thùy Dương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu. - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 119/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về “*tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 902/TB-TA ngày 31/5/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị H** (tên thường gọi Ngọc H), sinh năm 1984. Địa chỉ hộ khẩu thường trú: khóm Thạnh Lợi, thị trấn VTT, huyện P, tỉnh An Giang. Địa chỉ sinh sống hiện tại: Số 354, ấp Vĩnh Lợi, xã VK, huyện TS, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Phạm Trường G**, sinh năm 1979. Địa chỉ cư trú: Khóm Thạnh Lợi, thị trấn VTT (trước đây là ấp Thạnh Lợi, xã VTT), huyện P, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Trường G do cha mẹ cưới gả rồi tự nguyện kết hôn vào năm 2000, nhưng đến năm 2008 ông bà mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VTT (nay là thị trấn VTT), huyện P, tỉnh An Giang theo giấy chứng

nhận kết hôn số 324/2008, đăng ký ngày 14/10/2008. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, thời gian sau do ông G không lo làm ăn, thường xuyên nhậu, say sưa, về nhà kiêu chuyệ, đánh đập vợ con. Nhiều lần bà H khuyên ngăn nhưng ông không nghe, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Ông bà sống ly thân khoảng 11 năm nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn được, bà yêu cầu được ly hôn với ông G.

Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Phạm Văn F, sinh ngày 24/9/2001 và Phạm Thị Huỳnh Mai, sinh ngày 09/6/2003. Hiện hai con đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động được nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Trường G đều vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án về vụ án.

* Tòa án tiến hành mở phiên hòa giải nhưng do ông G vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

*** *Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn bà H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông G, không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung.

- Bị đơn ông G vắng mặt tại phiên tòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến như sau:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do trong quá trình giải quyết vụ án là chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà H được ly hôn với ông G. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do bà H không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí sơ thẩm: Đề nghị xem xét, giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Bà Huỳnh Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Phạm Trường G, có địa chỉ cư trú tại xã VTT (nay là thị trấn VTT), huyện P, tỉnh An Giang nên xác

định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*tranh chấp ly hôn*" và Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai, không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Huỳnh Thị H và ông Phạm Trường G tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VTT (nay là thị trấn VTT), huyện P, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 324/2008, đăng ký ngày 14/10/2008 nên xét hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Theo Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, tôn trọng lẫn nhau. Tuy nhiên, theo bà H trình bày, trong thời gian chung sống, ông G không quan tâm, chăm lo cho bà và gia đình, thường xuyên dùng rượu, say sưa, kiếm chuyện, chửi đánh bà, nhiều lần bà khuyên nhưng không được. Từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên ông bà sống ly thân với nhau đã 11 năm nay. Trong thời gian ly thân, ông G không liên lạc, hỏi thăm, quan tâm gì đến bà và các con. Nay, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông G.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải, tạo điều kiện cho bà H và ông G có cơ hội hàn gắn tình cảm lại với nhau, thế nhưng ông G vẫn vắng mặt, cũng không gửi văn bản ý kiến trình bày. Tại phiên tòa, mặc dù đã được Hội đồng xét xử động viên nhưng bà H vẫn cương quyết ly hôn, cho thấy cả bà H và ông G đã không còn quan tâm, yêu thương nhau, không còn chung sống với nhau đã lâu, không muốn hàn gắn và không tha thiết duy trì mối quan hệ hôn nhân này. Cuộc sống hôn nhân giữa họ đã thật sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, cho bà H được ly hôn với ông G là phù hợp với quy định tại Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P.

[2.2] Về con chung:

Bà H và ông G có hai con chung tên Phạm Văn F, sinh ngày 24/9/2001 và Phạm Thị Huỳnh Mai, sinh ngày 09/6/2003. Hiện hai con đã trên 18 tuổi, có khả

năng lao động được, bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà H khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Trường hợp sau này bà H, ông G có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[3] Về án phí: Do bà H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H.

- Về hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị H được ly hôn với ông Phạm Trường G.

Giấy chứng nhận kết hôn số 324/2008, đăng ký 14/10/2008 do Ủy ban nhân dân xã VTT (nay là thị trấn VTT), huyện P, tỉnh An Giang cấp cho bà Huỳnh Thị H và ông Phạm Trường G không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0003595 ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P nên bà H không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Trường G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang;
 - Viện kiểm sát ND tỉnh AG;
 - Viện kiểm sát ND H. P;
 - Chi cục THA DS H. P;
 - UBND thị trấn VTT;
- Huyện P, tỉnh An Giang.
- Đương sự;
 - Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Dương Thùy Dung